



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HỒ CHÍ MINH
MÔN QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

ĐỀ TÀI

THỦ TỤC HẢI QUAN
ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU

Giảng viên hướng dẫn: TS. Bùi Thanh Tráng

Nhóm sinh viên thực hiện: NHÓM 13

Lớp: NT2 – VB2 – K15

Tháng 05 năm 2013

NHÓM 13

LỚP NT2 – K15 –VB2

1. ÂU GIA HIỀN
2. PHẠM THÚY HOÀNG
3. ĐOÀN THỊ MỸ NHÂN
4. KHEO NGỌC NGÂN
5. NGUYỄN THANH HÙNG
6. NGUYỄN THỊ NHUNG
7. LÊ THỊ VÂN THÚY
8. LÊ THỊ NỞ
9. NGÔ MINH HẠNH
10. NGUYỄN THỊ THU TRÂM

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN..... | 1 |
| 1.1. Khái niệm thủ tục hải quan..... | 1 |
| 1.2. Nguyên tắc chung..... | 1 |
| CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN..... | 3 |
| 2.1. Điều kiện được hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa..... | 3 |
| 2.2. Quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan..... | 3 |
| 2.3. Nguyên tắc phân luồng hàng hóa..... | 4 |
| 2.3.1. <i>Luồng Xanh (Mức 1)</i> | 5 |
| 2.3.2. <i>Luồng Vàng (Mức 2)</i> | 6 |
| 2.3.3. <i>Luồng Đỏ (Mức 3)</i> | 6 |
| 2.4. Thời hạn giải quyết hồ sơ..... | 6 |
| 2.5. Quy trình thủ tục xuất khẩu..... | 7 |
| 2.5.1. <i>Bộ hồ sơ xuất khẩu</i> | 7 |
| 2.5.2. <i>Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu</i> | 7 |
| 2.6. Quy trình thủ tục nhập khẩu..... | 11 |
| 2.6.1. <i>Bộ hồ sơ nhập khẩu:</i> | 11 |
| 2.6.2. <i>Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu</i> | 13 |
| 2.7. Quy trình sửa chữa, bổ sung, thay và hủy tờ khai hải quan..... | 16 |
| 2.7.1. <i>Sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan</i> | 16 |
| 2.7.2. <i>Hủy tờ khai hải quan</i> | 17 |
| 2.7.3. <i>Thay tờ khai hải quan</i> | 17 |
| 2.8. Thủ tục khai hải quan điện tử..... | 18 |
| 2.8.1. <i>Khái niệm và mục đích của thủ tục hải quan điện tử</i> | 18 |
| 2.8.2. <i>Hồ sơ hải quan điện tử</i> | 18 |
| 2.8.3. <i>Quy trình thủ tục hải quan điện tử</i> | 18 |
| 2.8.4. <i>Lợi ích của hải quan điện tử đối với DN</i> | 19 |
| 2.8.5. <i>Doanh nghiệp đăng ký tham gia Hải quan điện tử</i> | 21 |
| 2.8.6. <i>Thực trạng áp dụng thủ tục hải quan điện tử</i> | 22 |
| CHƯƠNG 3: CẢI CÁCH THỦ TỤC HẢI QUAN TẠI VIỆT NAM..... | 23 |
| 3.1. Cơ chế hải quan một cửa quốc gia..... | 23 |

| | |
|---|----------|
| 3.1.1. <i>Khái niệm hệ thống một cửa</i> | 23 |
| 3.1.2. <i>Mô hình hải quan một cửa</i> | 23 |
| 3.1.3. <i>Lợi ích của thủ tục hải quan một cửa</i> | 25 |
| 3.1.4. <i>Thách thức</i> | 26 |
| 3.2. <i>Đánh giá thủ tục hải quan hiện nay</i> | 26 |
| 3.2.1. <i>Ưu điểm</i> | 26 |
| 3.2.2. <i>Một số vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục hải quan</i> | 27 |
| 3.2.3. <i>Những giải pháp Hải quan Việt Nam đã triển khai thực hiện</i> | 28 |
| 3.3. <i>Đề xuất các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện thủ tục hải quan</i> | 31 |
| 3.3.1. <i>Giải pháp vĩ mô</i> | 31 |
| 3.3.2. <i>Giải pháp vi mô</i> | 32 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | i |

DANH MỤC VIẾT TẮT



DN: doanh nghiệp

HQ: hải quan

NK: nhập khẩu

XK: xuất khẩu

XNK: xuất nhập khẩu

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN

1.1. Khái niệm thủ tục hải quan

Thủ tục hải quan là nội dung các công việc mà người làm thủ tục hải quan và nhân viên hải quan phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với đối tượng làm thủ tục hải quan khi xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh.

1.2. Nguyên tắc chung

Nguyên tắc chung về thủ tục hải quan của các quốc gia trên thế giới cũng như của Việt Nam quy định đối tượng là hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải... khi xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh phải làm thủ tục hải quan trên cơ sở tuân thủ các bước sau:

- Khai báo với hải quan cửa khẩu về tình hình đối tượng xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh theo quy định của cơ quan hải quan.
- Xuất trình đối tượng làm thủ tục hải quan tại địa điểm và thời gian quy định của cơ quan hải quan.
- Chấp hành quyết định giải quyết của cơ quan hải quan và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Ở Việt Nam, theo điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, Điều 16 Luật Hải quan Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hải quan được quy định cụ thể như sau:

❖ Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải:

- Khai và nộp tờ khai Hải quan; nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, trong trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan được khai và gửi hồ sơ hải quan thông qua hệ thống dữ liệu điện tử của Hải quan.
- Đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định cho việc kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.
- Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật

❖ **Khi làm thủ tục hải quan, công chức hải quan phải:**

- Tiếp nhận và đăng ký hồ sơ hải quan, trong trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, việc tiếp nhận và đăng ký hồ sơ được thực hiện thông qua hệ thống dữ liệu điện tử của Hải quan.
- Kiểm tra hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.
- Thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- Quyết định việc thông quan hàng hóa, phương tiện vận tải.

CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN

2.1. Điều kiện được hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Trừ hàng hóa thuộc Danh mục cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, thương nhân Việt Nam được xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa không phụ thuộc vào ngành nghề đăng ký kinh doanh. Chi nhánh thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo ủy quyền của thương nhân.

Khi kê khai hồ sơ đăng ký mã số thuế tại cơ quan thuế, DN phải ghi rõ có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu để được “Chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu”.

2.2. Quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan

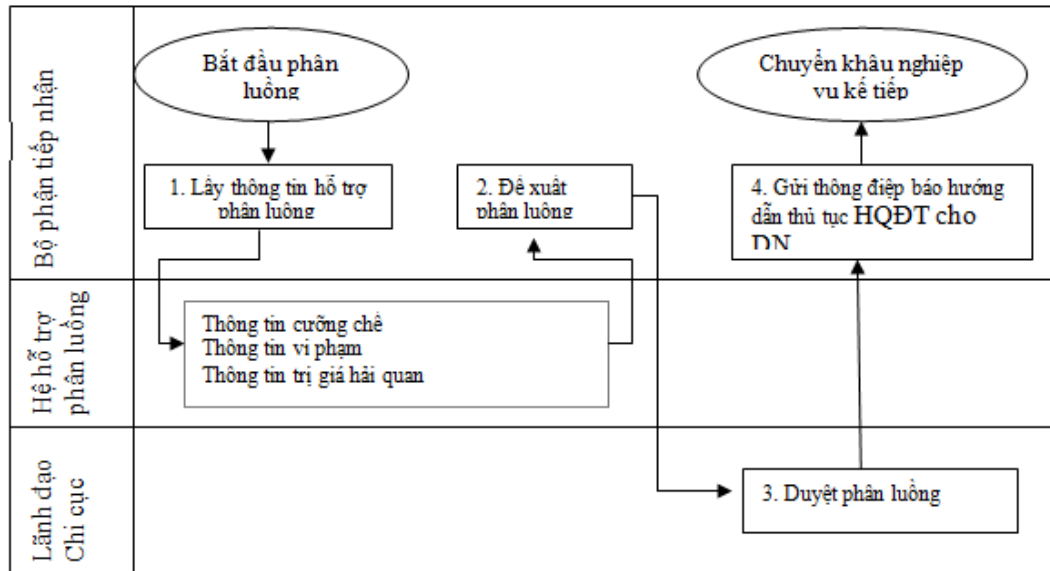
Đặc điểm chung của Hải quan các nước trên thế giới hiện nay là phải xử lý ngày càng gia tăng khối lượng các giao dịch xuất nhập khẩu hàng hóa trong khi nguồn lực lại hạn chế. Thách thức đặt ra đối với cơ quan Hải quan là vừa phải tạo thuận lợi cho hành khách và hàng hóa hợp pháp vừa phải đảm bảo kiểm soát, phát hiện các trường hợp gian lận và vi phạm hải quan.

- ❖ Theo chuẩn mực 6.4 – Phụ lục tổng quát Công ước Kyoto sửa đổi đã quy định “*Cơ quan Hải quan phải sử dụng kỹ thuật phân tích rủi ro để xác định người và hàng hóa, kể cả phương tiện vận tải cần được kiểm tra cũng như mức độ kiểm tra*”. Phân tích rủi ro và đánh giá rủi ro là hai quá trình phân tích dựa trên các bộ tiêu chí xác định các đối tượng có độ rủi ro cao để kiểm tra.
- Tổ chức thu thập thông tin, tài liệu từ cơ sở dữ liệu, chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan, từ bộ phận thông quan, kiểm tra sau thông quan, trình sát hải quan, từ thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân, và hải quan các nước.
- Phân loại, phân tích, đánh giá và xử lý thông tin kịp thời để xác định khả năng rủi ro phục vụ cho việc thông quan hàng hóa, kiểm tra sau thông quan và chống buôn lậu trên địa bàn hoạt động của mình.

- Lập hồ sơ quản lý DN theo mức độ tuân thủ pháp luật hải quan.
- Nhập kết quả vào hệ thống để phục vụ công tác nghiệp vụ hải quan.
- Đề xuất tiêu chí phân luồng và tiêu chí kiểm tra sau thông quan trình Lãnh đạo chi cục Hải quan điện tử.
- ❖ Lợi ích của việc áp dụng quản lý rủi ro là:
 - *Phân bố nguồn nhân lực hiệu quả hơn*: tạo điều kiện cho cán bộ Hải quan chỉ tập trung nguồn lực vào những lô hàng trọng điểm, bớt gánh nặng và sức ép của việc quá tải khối lượng công việc.
 - *Tăng nguồn thu ngân sách*: tính chuyên nghiệp và hiệu suất làm việc của Hải quan được nâng cao, giúp gia tăng số thuế thu được từ DN.
 - *Nâng cao được tính tuân thủ pháp luật của DN*: ngày càng rút ngắn thời gian thông quan và giải phóng hàng, đặc biệt với những lô hàng được phân vào luồng xanh. Điều này là động lực rất lớn để các DN tuân thủ tốt pháp luật, đảm bảo cho hàng hóa của mình được lọt vào luồng xanh;
 - *Cải thiện mối quan hệ cộng tác giữa Hải quan và DN*
 - *Giảm bớt thời gian giải phóng hàng*: giúp Hải quan giải phóng được số lượng lớn hàng hóa ngay sau khi hồ sơ thông quan được nộp cho Hải quan
 - *Cắt giảm chi phí giao dịch*: Nếu như thời gian thông quan dựa trên nhưng quy trình, thủ tục cũ có thể lên đến 1-2 tuần thì với kỹ thuật quản lý rủi ro mới, 80-90% hàng hóa sẽ được giải phóng trong vòng vài giờ, vì vậy tiết kiệm được rất nhiều chi phí giao dịch cho DN.

2.3. Nguyên tắc phân luồng hàng hóa

- Hàng hóa xuất nhập khẩu được phân vào 3 luồng Xanh, Vàng, Đỏ.
- Khi nhận được thông tin khai hải quan của DN, trên cơ sở phân tích thông tin và các tiêu chí kiểm tra theo quy định, cơ quan Hải quan thực hiện việc kiểm tra và chấp nhận thông tin khai hải quan hoặc thông báo từ chối chấp nhận có nêu rõ lý do thông qua hệ thống xử lý dữ liệu hải quan.



Sơ đồ phân luồng hàng hóa

- Trường hợp chấp nhận thông tin khai điện tử thì cấp số tờ khai hải quan điện tử và phân luồng theo một trong các hình thức sau:

2.3.1. Luồng Xanh (Mức 1)

Chấp nhận thông quan trên cơ sở thông tin khai hải quan điện tử

- Đối với hàng xuất khẩu nếu có đủ một trong các điều kiện sau:
 - + Hàng xuất khẩu (trừ hàng xuất khẩu từ nguyên liệu nhập khẩu).
 - + Hàng hóa xuất khẩu có điều kiện nhưng đã nộp văn bản cho phép cho cơ quan Hải quan.
- Hàng hóa của các DN có quá trình chấp hành tốt pháp luật hải quan nếu có đủ 2 điều kiện sau:
 - + Hàng hóa không thuộc danh mục cấm XNK, danh mục XNK có điều kiện hoặc phải giám định, phân tích phân loại; hàng hóa thuộc danh mục nhưng đã nộp, xuất trình văn bản cho phép cho cơ quan Hải quan theo quy định.
 - + Hàng hóa thuộc diện không phải nộp thuế ngay.
- Hàng hóa thuộc các trường hợp đặc biệt khác do Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Trường hợp khai hải quan điện tử thì DN in tờ khai trên hệ thống của mình để lấy hàng.

2.3.2. Luồng Vàng (Mức 2)

Kiểm tra chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan trước khi thông quan hàng hóa

- Hàng hóa thuộc danh mục cấm XNK, danh mục hàng hóa XNK có điều kiện, hàng hóa phải giám định phân tích phân loại nhưng chưa nộp văn bản cho phép cho cơ quan Hải quan.
- Hàng hóa thuộc diện phải nộp thuế ngay.
- Hàng hóa thuộc diện phân vào luồng Xanh nhưng phát hiện có nghi vấn về hồ sơ hải quan.

2.3.3. Luồng Đỏ (Mức 3)

Kiểm tra chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa trước khi thông quan hàng hóa

- Hàng hóa XNK của chủ hàng đã nhiều lần vi phạm pháp luật về hải quan.
- Hàng hóa không thuộc diện phân vào luồng Xanh, luồng Vàng trên đây, căn cứ vào kết quả thu thập, phân tích thông tin quản lý rủi ro từ cơ sở dữ liệu, từ trình sát hải quan, từ cơ quan, tổ chức, cá nhân và Hải quan các nước mà xác định có khả năng vi phạm pháp luật về hải quan phải kiểm tra thực tế.
- Luồng đỏ có 3 mức độ kiểm tra thực tế:
 - Mức 3a. Kiểm tra toàn bộ lô hàng.
 - Mức 3b. Kiểm tra thực tế 10% lô hàng, nếu không phát hiện vi phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm thì tiếp tục kiểm tra cho đến khi kết luận được mức độ vi phạm.
 - Mức 3c. Kiểm tra thực tế 5% lô hàng, nếu không phát hiện vi phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm thì tiếp tục kiểm tra cho đến khi kết luận được mức độ vi phạm.

2.4. Thời hạn giải quyết hồ sơ

- Thời hạn tiếp nhận, đăng ký, kiểm tra hồ sơ hải quan: ngay sau khi người khai hải quan nộp, xuất trình hồ sơ hải quan đúng quy định của pháp luật.
- Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải (tính từ thời điểm người khai hải quan đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về làm

thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật Hải quan):

- Chậm nhất là 08 giờ làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế một phần hàng hóa theo xác suất;
 - Chậm nhất là 02 ngày làm việc đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa.
- Trong trường hợp áp dụng hình thức kiểm tra thực tế toàn bộ hàng hóa mà lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu có số lượng lớn, việc kiểm tra phức tạp thì thời hạn kiểm tra có thể được gia hạn nhưng không quá 08 giờ làm việc

2.5. Quy trình thủ tục xuất khẩu

2.5.1. Bộ hồ sơ xuất khẩu

Cơ bản gồm:

- Tờ khai hải quan : 02 bản chính; (mẫu tờ khai : HQ/2002-XK)
- Hợp đồng mua bán hàng: 01 bản sao (đối với hàng hóa xuất khẩu biên giới thì không phải nộp).
- Hoá đơn thương mại: 01 bản chính.
- Bản kê chi tiết hàng hóa (đối với hàng đóng gói không đồng nhất): 01 bản chính; 01 bản sao.
- Giấy phép xuất khẩu (đối với mặt hàng thuộc danh mục cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện): 01 bản chính (là bản chính nếu xuất khẩu một lần hoặc bản sao khi xuất khẩu nhiều lần và phải xuất trình bản chính để đối chiếu).
- Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu (nếu nhận uỷ thác xuất khẩu): 01 bản sao.
- Bản định mức sử dụng nguyên liệu của mã hàng (nếu là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu và chỉ nộp một lần đầu xuất khẩu): 1 bản chính.

2.5.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thương mại bao gồm 5 bước:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sơ bộ, đăng ký tờ khai, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra.

Bước 1.1 Kiểm tra điều kiện cho phép mở tờ khai của DN và kiểm tra ân hạn thuế, bảo lãnh thuế.

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký tờ khai thì Hải quan sẽ trả hồ sơ và thông báo bằng Phiếu yêu cầu nghiệp vụ cho người khai biết rõ lý do.

+ Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiến hành kiểm tra sơ bộ hồ sơ hải quan.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhập thông tin Tờ khai vào hệ thống máy tính để xử lý đối chiếu dữ liệu sau đó cấp số tờ khai, phân luồng hồ sơ và đưa ra Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra.

Bước 1.2 Thông tin được tự xử lý (theo chương trình hệ thống quản lý rủi ro) và đưa ra lệnh hình thức, mức độ kiểm tra, có 3 mức độ khác nhau (mức 1; 2; 3 tương ứng luồng xanh, luồng đỏ, luồng vàng).

Bước 2: Kiểm tra chi tiết hồ sơ thuế giá.

- Kiểm tra chi tiết hồ sơ.
- Kiểm tra giá tính thuế, kiểm tra mã số, chế độ, chính sách thuế và tham vấn giá (nếu có) theo quy trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan ban hành.
- Nếu kiểm tra chi tiết hồ sơ thấy phù hợp, thì nhập thông tin chấp nhận vào máy tính và in “chứng từ ghi số thuế phải thu” theo quy định của Bộ Tài chính.
- Ghi kết quả kiểm tra chi tiết hồ sơ vào Lệnh hình thức mức độ kiểm tra và ghi kết quả kiểm tra việc khai thuế vào tờ khai hải, ký tên và đóng dấu số hiệu công chức vào Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan và vào Tờ khai hải quan:
 - + Đối với hồ sơ luồng vàng có kết quả kiểm tra chi tiết hồ sơ phù hợp với khai báo của người khai hải quan thì:
 - a. Ký xác nhận, đóng dấu số hiệu công chức vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên Tờ khai hải quan.

b. Chuyển bộ hồ sơ cho bộ phận thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan.

+ Đối với hồ sơ luồng đỏ có kết quả kiểm tra chi tiết phù hợp với khai báo của người khai hải quan và/ hoặc có vấn đề cần lưu ý thì ghi vào Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan và chuyển cho công chức bước 3 thực hiện.

+ Nếu kiểm tra chi tiết hồ sơ (vàng và đỏ) phát hiện có sự sai lệch, chưa phù hợp, cần điều chỉnh, có nghi vấn, có vi phạm thì đề xuất biện pháp xử lý và chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Chi cục xem xét quyết định:

- Quyết định thông quan hoặc tạm giải phóng hàng
 - Kiểm tra lại hoặc thay đổi mức kiểm tra thực tế hàng hoá
 - Tham vấn giá
 - Trưng cầu giám định hàng hoá
 - Lập Biên bản chứng nhận/Biên bản vi phạm hành chính về hải quan.
- + Thực hiện các thủ tục xét miễn thuế, xét giảm thuế (nếu có).

Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hoá.

1. Tiếp nhận văn bản đề nghị của DN về việc điều chỉnh khai báo của người khai hải quan trước khi kiểm tra thực tế hàng hoá, đề xuất trình lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định (nếu có).

2. Tiến hành kiểm tra thực tế hàng hoá:

2.1. Kiểm tra tình trạng bao bì, niêm phong hàng hoá.

2.2. Kiểm tra thực tế hàng hoá theo hướng dẫn ghi tại Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra.

3. Ghi kết quả kiểm tra thực tế vào Tờ khai hải quan; yêu cầu phải mô tả cụ thể cách thức kiểm tra, mặt hàng thuộc diện kiểm tra, đủ các thông tin cần thiết để xác định mã số phân loại hàng hoá, giá tính thuế và vấn đề liên quan. Ký tên, đóng dấu số hiệu công chức vào ô “phần ghi kết quả kiểm tra của Hải quan” trên Tờ khai hải quan (tất cả các công chức cùng tiến hành kiểm tra thực tế phải ký tên, đóng dấu số hiệu công chức vào ô này).

4. Nhập kết quả kiểm tra thực tế vào hệ thống máy tính.

5. Xử lý kết quả kiểm tra:

5.1. Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá phù hợp với khai báo của người khai hải quan thì ký xác nhận, đóng dấu số hiệu công chức vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên tờ khai hải quan. Trường hợp, có nhiều công chức cùng tiến hành kiểm tra thực tế hàng hoá thì việc ký xác nhận vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên tờ khai hải quan chỉ cần một công chức đại diện ký theo phân công, chỉ định của Lãnh đạo Chi cục.

Chuyển bộ hồ sơ cho bộ phận thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan.

5.2. Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá có sự sai lệch so với khai báo của người khai hải quan thì đề xuất biện pháp xử lý và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Chi cục để xem xét quyết định:

- Kiểm tra tính thuế lại và ra quyết định điều chỉnh số thuế phải thu.
- Lập Biên bản chứng nhận/Biên bản vi phạm.
- Quyết định thông quan hoặc tạm giải phóng hàng.

Bước 4: Thu lệ phí hải quan, đóng dấu "Đã làm thủ tục hải quan" và trả tờ khai cho người khai HQ.

1. Kiểm tra biên lai thu thuế, bảo lãnh của Ngân hàng/Tổ chức tín dụng về số thuế phải nộp đối với hàng phải nộp thuế ngay;

2. Thu lệ phí hải quan;

3. Đóng dấu “Đã làm thủ tục hải quan” vào góc bên phải, phía trên mặt trước của Tờ khai hải quan (đóng đè lên ký hiệu tờ khai HQ/2002-NK hoặc HQ/2002-XK)

4. Vào sổ theo dõi và trả Tờ khai hải quan cho người khai hải quan;

5. Bàn giao hồ sơ cho bộ phận phúc tập theo mẫu Phiếu tiếp nhận, bàn giao hồ sơ hải quan ban hành kèm theo quy trình này (mẫu 02: PTN-BGHS/2006).

Bước 5: Phúc tập hồ sơ.

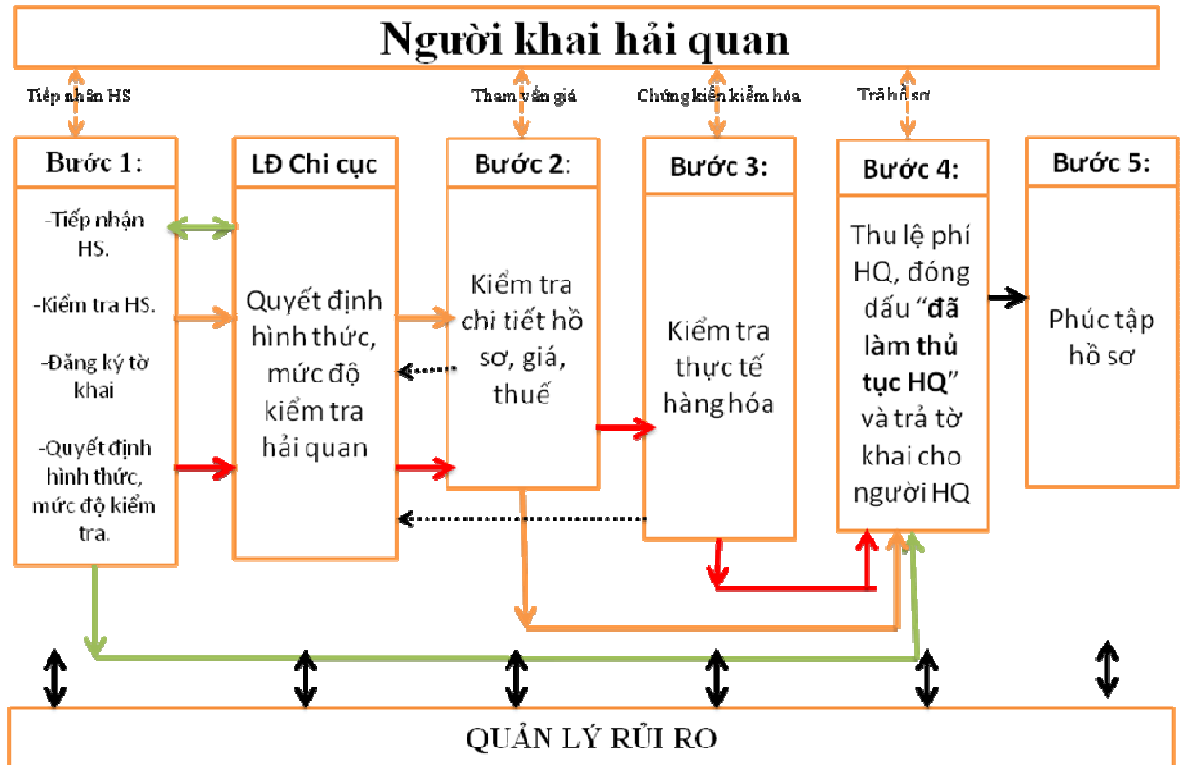
- Nhận hồ sơ hải quan từ bộ phận thu lệ phí hải quan.

- Phục tập hồ sơ theo quy trình phục tập hồ sơ do Tổng cục Hải quan ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh thì kịp thời báo cáo đề xuất để Tổng cục xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Nhằm đẩy nhanh việc thông quan hàng hóa, tùy theo tính chất hàng hóa, quá trình chấp hành pháp luật về hải quan, về thuế của chủ hàng và thông tin của cơ quan hải quan, có thể bỏ qua Bước 2 và Bước 3 trong quy trình.

SƠ ĐỒ VỀ QUI TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN



2.6. Quy trình thủ tục nhập khẩu

2.6.1. Bộ hồ sơ nhập khẩu:

Cơ bản gồm:

- Tờ khai hải quan: 02 bản chính.

- Hợp đồng mua bán hàng hoá: nộp 01 bản sao (trừ hàng hoá nêu tại khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 11 Điều 6 Thông tư 194/2010/TT-BTC); hợp đồng uỷ thác nhập khẩu (nếu nhập khẩu uỷ thác): nộp 01 bản sao.
- Hóa đơn thương mại: nộp 01 bản chính.
- Vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản sao

❖ Tùy từng trường hợp cụ thể dưới đây, bộ hồ sơ hải quan được bổ sung thêm các chứng từ sau:

- Bản kê chi tiết hàng hoá đối với hàng hoá có nhiều chủng loại hoặc đóng gói không đồng nhất: 01 bản chính và 01 bản sao.
- Giấy đăng ký kiểm tra hoặc Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy thông báo kết quả kiểm tra của tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra chất lượng, của cơ quan kiểm tra an toàn thực phẩm, cơ quan kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng, về an toàn thực phẩm; về kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật: nộp 01 bản chính.
- Chứng thư giám định đối với hàng hoá được thông quan trên cơ sở kết quả giám định: 01 bản chính.
- Tờ khai trị giá hàng nhập khẩu đối với hàng hoá thuộc diện phải khai tờ khai trị giá theo quy định của Bộ Tài chính: 02 bản chính.
- Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật: nộp 01 bản chính nếu nhập khẩu một lần hoặc bản sao khi nhập khẩu nhiều lần và phải xuất trình bản chính để đối chiếu, lập phiếu theo dõi trừ lùi.
- Nộp 01 bản gốc giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) trong các trường hợp:
 - Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước có thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam (trừ hàng hoá nhập khẩu có trị giá FOB không vượt quá 200 USD) theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc

gia nhập, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó.

- Hàng hoá nhập khẩu được Việt Nam và các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát.
- Hàng hoá nhập khẩu từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử, các biện pháp về thuế để tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan.
- Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương mà Việt Nam là thành viên.

C/O đã nộp cho cơ quan hải quan thì không được sửa chữa nội dung hoặc thay thế, trừ trường hợp do chính cơ quan hay tổ chức có thẩm quyền cấp C/O sửa đổi, thay thế trong thời hạn quy định của pháp luật.

- Các chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật : nộp 01 bản chính

2.6.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Người khai hải quan sẽ nộp trực tiếp tại cơ hải quan. Đối với cơ quan hải quan sau khi nhận được bộ tờ khai họ sẽ tiến hành các bước sau:

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra điều kiện và đăng ký tờ khai hải quan; kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hoá

Bước 1.1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai:

- Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan từ người khai hải quan
- Kiểm tra điều kiện cho phép mở tờ khai của DN và kiểm tra ân hạn thuế, bảo lãnh thuế:
 - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký tờ khai thì Hải quan sẽ trả hồ sơ và thông báo bằng Phiếu yêu cầu nghiệp vụ (mẫu 01/PYC NV/2009) cho người khai biết rõ lý do

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tiến hành kiểm tra sơ bộ hồ sơ hải quan.
- Nếu bộ hồ sơ hợp lệ thì Hải quan sẽ tiến hành nhập các thông tin trên tờ khai vào hệ thống máy tính để xử lý đối chiếu dữ liệu sau đó cấp số tờ khai, phân luồng hồ sơ và đưa ra Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra.
- Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra gồm một số tiêu chí cụ thể theo mẫu đính kèm, có 3 mức độ khác nhau (mức 1; 2; 3 tương ứng với luồng xanh, luồng vàng, luồng đỏ)

Bước 1.2. Kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với lô hàng miễn kiểm tra thực tế hàng hóa

Sau đó căn cứ hình thức, mức độ kiểm tra trên Lệnh và các thông tin khác có được tại thời điểm kiểm tra, công chức tiếp nhận hồ sơ sẽ thực hiện:

➤ ***Kiểm tra sơ bộ hồ sơ đối với bộ hồ sơ luồng xanh***, bao gồm:

Kiểm tra việc khai các tiêu chí trên tờ khai, kiểm tra sơ bộ nội dung khai của người khai hải quan, kiểm đếm đủ số lượng chủng loại các chứng từ kèm theo tờ khai hải quan.

- Nếu hồ sơ hợp lệ cán bộ hải quan sẽ đề xuất thông quan hoặc mang hàng về bảo quản (đối với hàng hóa thông quan dựa trên kết quả kiểm tra chất lượng) sau đó chuyển sang Bước 3
- Nếu phát hiện có sai phạm thì sẽ thực hiện kiểm tra chi tiết hồ sơ.

➤ ***Kiểm tra chi tiết hồ sơ đối với hồ sơ luồng vàng***, bao gồm:

- Kiểm tra nội dung khai, kiểm tra số lượng chủng loại giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan, kiểm tra việc tuân thủ các chính sách xuất khẩu, nhập khẩu, chính sách thuế và các quy định khác của pháp luật.
- Kiểm tra tên hàng, mã số hàng hóa.
- Kiểm tra xuất xứ hàng hóa.
- Kiểm tra trị giá tính thuế, số thuế phải nộp, tham vấn giá trong trường hợp cần tham vấn ngay; Giải quyết các thủ tục xét miễn thuế, giảm thuế.

- Nếu hồ sơ hợp lệ cán bộ hải quan sẽ đề xuất thông quan hoặc mang hàng về bảo quản (đối với hàng hóa thông quan dựa trên kết quả kiểm tra chất lượng) và chuyển sang Bước 3
- Nếu phát hiện có sai phạm sẽ đề xuất kiểm tra thực tế hàng hóa cụ thể theo các mức độ như đã nêu ở trên.

Bước 2. Kiểm tra thực tế hàng hóa và thông quan đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế

1. Đề xuất việc khai bổ sung khi người khai có yêu cầu trước khi kiểm tra thực tế hàng hóa
 - Tiếp nhận, kiểm tra nội dung khai bổ sung về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Ghi kết quả tiếp nhận hồ sơ ‘chấp nhận’ hay ‘không chấp nhận’ nội dung khai bổ sung, ký tên và đóng dấu vào bản khai bổ sung.
2. Kiểm tra thực tế hàng hóa
 - Kiểm tra đối chiếu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu với nội dung khai trên tờ khai hải quan và chứng từ của bộ hồ sơ về tên hàng, mã số, lượng hàng, chất lượng, xuất xứ
 - Trường hợp kiểm tra theo tỷ lệ phát hiện có vi phạm, xét thấy cần thiết thì kiểm tra tới toàn bộ lô hàng.
 - Ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa và kết luận kiểm tra vào tờ khai hải quan. Ký tên đóng dấu của các công chức kiểm tra thực tế hàng hóa vào ô “Cán bộ kiểm hóa” trên Tờ khai hải quan.
 - Người khai hải quan (hoặc đại diện) ký tên xác nhận kết quả kiểm tra
3. Xử lý kết quả kiểm tra
 - Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa phù hợp với nội dung khai của người khai hải quan thì đóng dấu, số hiệu công chức vào ô “Xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên tờ khai hải quan và chuyển hồ sơ sang Bước 3.
 - Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa có sự sai lệch so với nội dung khai của người khai hải quan thì hải quan sẽ đưa ra biện pháp xử như sau:
 - Kiểm tra tính thuế lại và ra quyết định ấn định thuế; và/hoặc
 - Lập biên bản chứng nhận; Biên bản vi phạm; và/hoặc

- Quyết định thông quan và chấp nhận yêu cầu của chủ hàng đưa hàng về bảo quản (nếu đáp ứng được yêu cầu giám sát hải quan).

Bước 3. Thu thuế lệ phí hải quan; đóng dấu “Đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan

- Thu thuế và thu lệ phí hải quan theo quy định
- Đóng dấu đã làm thủ tục hải quan lên mặt trước, phía trên góc trái tờ khai hải quan, sau đó trả lại một bản tờ khai cho người khai hải quan
- Chuyển hồ sơ sang Bước 4

Bước 4: Phúc tập hồ sơ

- Thực hiện theo quy trình phúc tập hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan ban hành.

2.7. Quy trình sửa chữa, bổ sung, thay và hủy tờ khai hải quan

2.7.1. Sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan

- Sửa chữa tờ khai hải quan trước thời điểm kiểm tra thực tế hàng hoá hoặc trước khi quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.
- Tờ khai hàng hóa XK, NK đã đăng ký khai bổ sung hồ sơ hải quan trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan đối với các nội dung có sai sót gây ảnh hưởng đến số tiền thuế phải nộp nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện

Điều kiện khai bổ sung hồ sơ.

- Sai sót do người nộp thuế, người khai hải quan tự phát hiện, tự giác khai báo với cơ quan hải quan.
- Thời điểm khai báo trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhưng trước khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế.
- Có sai sót về tính toán số tiền thuế phải nộp; sai sót về trị giá, xuất xứ, mã số, mức thuế suất, số tiền thuế phải nộp trên hồ sơ hải quan đã nộp cho cơ quan hải quan.

- Người khai hải quan, người nộp thuế phải có đủ cơ sở chứng minh và cơ quan hải quan có đủ cơ sở, điều kiện kiểm tra, xác định tính trung thực, chính xác và hợp pháp của việc khai bổ sung.

Nội dung sửa chữa, khai bổ sung

- Khai bổ sung thông tin làm cơ sở xác định các yếu tố, căn cứ tính thuế hoặc xác định đối tượng không chịu thuế; hoặc xác định đối tượng miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế.
- Khai bổ sung số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế đã nộp, số tiền thuế chênh lệch còn phải nộp hoặc số tiền thuế chênh lệch nộp thừa (nếu có), số tiền phạt chậm nộp của số tiền thuế khai bổ sung (nếu người nộp thuế đã nộp tiền thuế khai bổ sung quá thời hạn nộp thuế) đối với từng mặt hàng và của cả tờ khai hải quan; cam kết về tính chính xác, hợp pháp của chứng từ, hồ sơ khai bổ sung .
- Sửa chữa, khai bổ sung thông tin khác trên tờ khai hải quan.
- Văn bản sửa chữa, khai bổ sung : nộp 02 bản chính.
- Các giấy tờ kèm theo để chứng minh việc sửa chữa, khai bổ sung.

2.7.2. Hủy tờ khai hải quan

- Tờ khai hàng hóa XK, NK quá 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan mà chưa làm xong thủ tục hải quan, trừ hàng hóa NK phải chờ kết quả kiểm tra/giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.
- Tờ khai hàng hóa XK, NK đã đăng ký nhưng người khai hải quan có văn bản đề nghị hủy vì không có hàng hóa để XK, NK.

2.7.3. Thay tờ khai hải quan

- Chỉ thực hiện khi thay đổi loại hình xuất khẩu, nhập khẩu và phải thực hiện trước thời điểm kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc trước thời điểm quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.
- Người khai hải quan có văn bản gửi Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai giải trình lý do đề nghị thay tờ khai hải quan khác.
- Lãnh đạo Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai có trách nhiệm xem xét giải quyết.

2.8. Thủ tục khai hải quan điện tử

2.8.1. Khái niệm và mục đích của thủ tục hải quan điện tử

- Thủ tục hải quan điện tử là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện đối với hàng hóa, phương tiện vận tải, trong đó việc khai báo và gửi hồ sơ của người khai hải quan và việc tiếp nhận, đăng ký hồ sơ hải quan của công chức hải quan được thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của hải quan.
- Mục đích của hải quan điện tử nhằm đạt được quy trình thông quan đơn giản, thuận lợi, đúng pháp luật để trở thành đối tác tin cậy của cộng đồng DN.

2.8.2. Hồ sơ hải quan điện tử

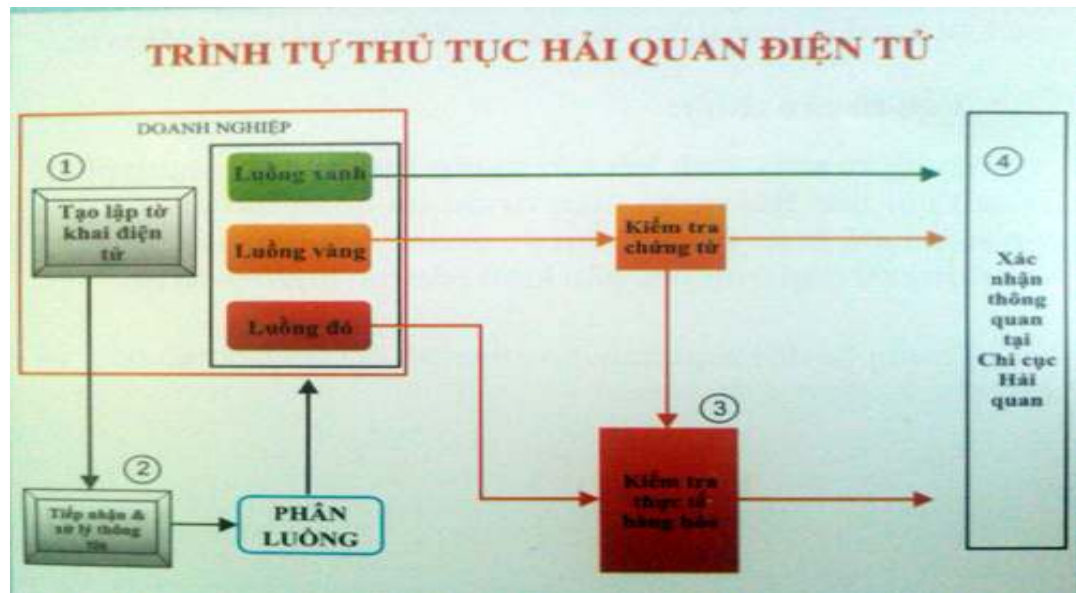
- Hồ sơ hải quan điện tử bao gồm:

a) Tờ khai hải quan điện tử.

b) Các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử là những chứng từ được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật hải quan mà người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan Hải quan. Những chứng từ này có thể ở dạng chứng từ giấy, chứng từ điện tử, chứng từ chuyển đổi từ chứng từ giấy sang dạng điện tử hoặc ngược lại. Chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan ở dạng điện tử hoặc chuyển đổi có giá trị để làm thủ tục hải quan điện tử như chính chứng từ đó ở dạng giấy trừ khi pháp luật có quy định khác.

- Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung, định dạng các chỉ tiêu thông tin của tờ khai hải quan điện tử; định dạng các chứng từ điện tử khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử và việc sử dụng hồ sơ hải quan điện tử.
- Hồ sơ hải quan điện tử lưu giữ tại Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có giá trị pháp lý để làm thủ tục hải quan và xử lý các tranh chấp.

2.8.3. Quy trình thủ tục hải quan điện tử



Bước 1. DN thực hiện khai Tờ khai hải quan điện tử, tờ khai trị giá (nếu cần) theo đúng tiêu chí và khuôn dạng chuẩn và gửi Tờ khai hải quan điện tử đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trong trường hợp cơ quan Hải quan yêu cầu nộp, xuất trình các chứng từ khác thuộc hồ sơ hải quan điện tử trước khi đăng ký tờ khai, người khai hải quan gửi thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Bước 2. Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan

- Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký Tờ khai hải quan điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.
- Trong trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai, cơ quan Hải quan thông báo thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho người khai biết và nêu rõ lý do.
- Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số Tờ khai hải quan điện tử, thực hiện phân luồng và phản hồi thông tin cho người khai hải quan.

Bước 3. DN in tờ khai trên hệ thống của mình để lấy hàng

2.8.4. Lợi ích của hải quan điện tử đối với DN

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, DN được hưởng thêm nhiều lợi ích so với thủ tục hải quan truyền thống đó là:

1. DN có thể khai hải quan tại bất cứ địa điểm nào có máy tính kết nối mạng internet và được thông quan ngay đối với lô hàng thuộc diện được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa.
2. DN được sử dụng tờ khai điện tử in từ hệ thống của DN, có chữ ký và đóng dấu của DN thay cho tờ khai giấy và các chứng từ kèm theo để đi nhận hàng và làm chứng từ vận chuyển hàng hóa trên đường (nếu lô hàng thuộc diện được miễn kiểm tra hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa).
3. DN có thể khai báo hải quan bất kì lúc nào thay cho việc chỉ có thể khai trong giờ hành chính và được cơ quan Hải quan tiếp nhận khai báo trong giờ hành chính.
4. DN thực hiện thủ tục hải quan điện tử sẽ được quyền ưu tiên thứ tự kiểm tra đối với các lô hàng phải kiểm tra chi tiết hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa.
5. DN thực hiện thủ tục hải quan điện tử sẽ được cơ quan Hải quan cung cấp thông tin về quá trình xử lý hồ sơ hải quan điện tử thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.
6. DN thực hiện thủ tục hải quan điện tử sẽ được cơ quan Hải quan hỗ trợ đào tạo và tư vấn trực tiếp miễn phí.
7. DN được lựa chọn hình thức nộp lệ phí (theo tháng hoặc theo từng tờ khai) thay vì chỉ có thể nộp theo từng tờ khai như thủ tục hải quan truyền thống.
8. Thực hiện thủ tục hải quan điện tử giúp thông tin giữa hệ thống của Hải quan và DN được quản lý đồng bộ trên máy tính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, tìm kiếm thông tin.
9. DN có thể đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại bất kì Chi cục Hải quan điện tử nào và được chấp nhận làm thủ tục hải quan điện tử ở các Chi cục khác thay vì việc phải làm đăng ký tại từng Chi cục hải quan điện tử như trước đây.

10. Giúp DN giảm thời gian, chi phí làm thủ tục hải quan do DN có thể chủ động trong quá trình khai báo hải quan và sắp xếp thời đi nhận hàng và xuất hàng.

2.8.5. Doanh nghiệp đăng ký tham gia Hải quan điện tử

➤ **Thủ tục đăng ký:**

- DN thực hiện đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử theo mẫu “Đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử” (có sẵn trên website www.customs.gov.vn) và nộp bản đăng ký cho bất kỳ Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan điện tử.
- DN cũng có thể ủy quyền cho Đại lý làm thủ tục hải quan điện tử thực hiện việc đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử.
- Trong thời gian 08 giờ làm việc kể từ khi nhận bản đăng ký hợp lệ, Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan điện tử thông báo chấp nhận hoặc từ chối có nêu rõ lý do. Việc gửi thông tin về tài khoản truy nhập Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho DN được thực hiện theo quy trình bảo mật.
- DN có trách nhiệm bảo mật tài khoản để sử dụng khi giao dịch với cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống khai hải quan điện tử hoặc hệ thống khai hải quan điện tử dự phòng.
- Tài khoản truy nhập Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan có giá trị để giao dịch, làm thủ tục hải quan với tất cả các Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

➤ **Yếu tố cần thiết:**

- Trang bị máy tính kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử do cơ quan Hải quan cung cấp miễn phí hoặc phần mềm do DN mua, hoặc tự xây dựng để đáp ứng yêu cầu khai báo hải quan điện tử.
- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ có trình độ tin học cơ bản và am hiểu về thủ tục hải quan.

2.8.6. Thực trạng áp dụng thủ tục hải quan điện tử

Theo Tổng cục Hải quan, đến hết tháng 4/2013, cả nước có hơn 35.400 doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan điện tử, chiếm 93,5% tổng số doanh nghiệp làm thủ tục hải quan trong cả nước.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua thủ tục hải quan điện tử đạt 74,4 tỷ USD, chiếm 93% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Đến nay, toàn ngành hải quan có 126 chi cục tại 34 cục hải quan địa phương thực hiện thủ tục hải quan điện tử, trong đó 17 cục đã thực hiện tại 100% chi cục.

Để nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan điện tử, trong năm 2013 ngành Hải quan sẽ tập trung thực hiện tốt các giải pháp trọng tâm như đẩy mạnh áp dụng chữ ký số; tổ chức đào tạo cho người khai hải quan và xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử; chuẩn hóa danh mục hàng hóa để phục vụ việc tự động hóa trong thủ tục hải quan điện tử...

CHƯƠNG 3: CẢI CÁCH THỦ TỤC HẢI QUAN TẠI VIỆT NAM

3.1. Cơ chế hải quan một cửa quốc gia

3.1.1. Khái niệm hệ thống một cửa

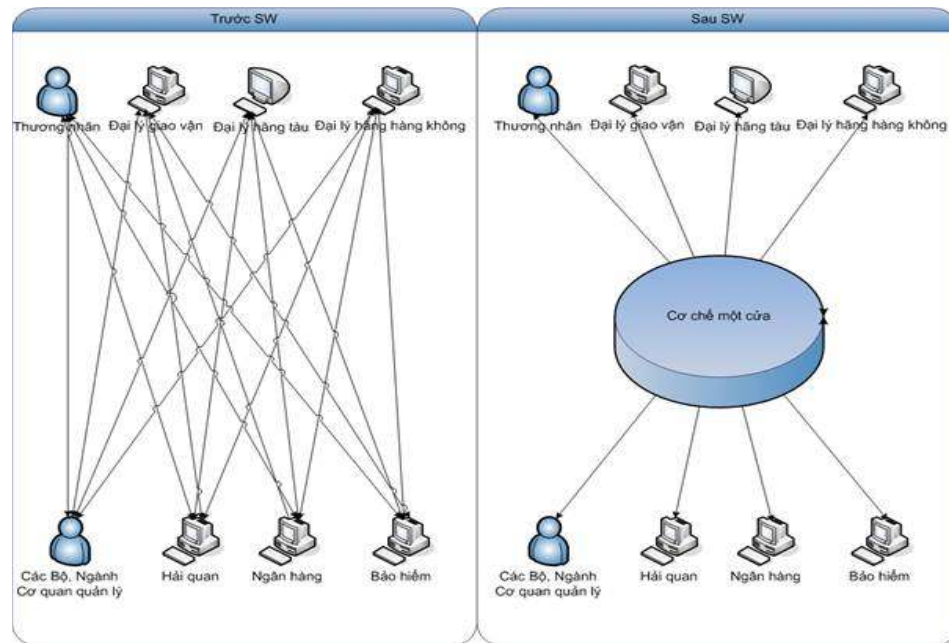
Hệ thống một cửa, theo mô tả trong Khuyến nghị số 33 của Trung tâm tạo thuận lợi và thương mại điện tử của Liên hợp quốc (UN/CEFACT), là một tiện ích cho phép các bên liên quan trong thương mại và vận chuyển khai báo thông tin và các chứng từ được chuẩn hóa tới một điểm tiếp nhận duy nhất để hoàn thành các yêu cầu thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh. Nếu thông tin dạng điện tử, thì các phần tử dữ liệu riêng biệt chỉ phải gửi một lần.

Việc xây dựng cơ chế một cửa quốc gia xuất phát từ đặc trưng của hoạt động xuất nhập khẩu trong ngành Hải quan là một lĩnh vực có liên thông với nhiều Bộ, Ngành khác trong hệ thống cơ quan Nhà nước. Kết quả cuối cùng của việc thực hiện thủ tục hải quan - thông quan hàng hóa dựa trên các quyết định đã có hiệu lực của các thủ tục hành chính từ các Bộ, Ngành có liên quan.

3.1.2. Mô hình hải quan một cửa

Cơ chế hải quan một cửa quốc gia bao gồm một hệ thống tích hợp cho phép các bên tham gia hoạt động xuất nhập khẩu nộp hoặc gửi thông tin và chứng từ chuẩn hóa tới một điểm tiếp nhận duy nhất. Các cơ quan nhà nước liên quan xử lý dữ liệu, thông tin và ra quyết định dựa trên các qui trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ rồi gửi quyết định tới hệ thống cung cấp và trao đổi thông tin thống nhất giữa các cơ quan nhà nước; hải quan là cơ quan ra quyết định cuối cùng thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh hoặc phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh căn cứ vào quyết định của các cơ quan nhà nước có liên quan được hệ thống chuyển tới kịp thời theo quy định về cung cấp dịch vụ công.

Mô hình luồng thông tin trước và sau khi triển khai cơ chế một cửa quốc gia



Quá trình trong cơ chế một cửa quốc gia

1) Các bên tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh nộp/gửi thông tin và chứng từ chuẩn hóa tới một điểm tiếp nhận duy nhất;

2) Các cơ quan chính phủ xử lý dữ liệu, thông tin và ra quyết định dựa trên hệ thống các quy trình, thủ tục thống nhất và đồng bộ; ra quyết định và gửi quyết định này tới hệ thống dựa trên thỏa thuận cung cấp và trao đổi thông tin thống nhất giữa các cơ quan chính phủ; và

3) Cơ quan Hải quan ra quyết định cuối cùng về việc thông quan, giải phóng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh căn cứ vào các quyết định của các cơ quan Nhà nước có liên quan được hệ thống chuyển tới kịp thời theo quy định về cung cấp dịch vụ công.

Tình hình triển khai cơ chế hải quan một cửa quốc gia

Theo lộ trình, trong năm 2013, Cơ chế hải quan một cửa quốc gia được thực hiện thí điểm ở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), Bộ Giao thông Vận tải và một số cơ quan nhà nước địa phương thuộc các ngành tài chính, công thương và giao thông vận tải. Năm 2014 sẽ mở rộng thí điểm tới các cơ quan thuộc Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên Môi trường và một số cơ quan nhà nước địa phương.

Việc triển khai thực hiện lộ trình nêu trên đang chậm hơn so với dự kiến. Vì vậy, trong kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN và Cơ chế hải quan một cửa quốc gia ban hành ngày 15/4/2013 đã xác định tập trung vào việc xây dựng Cổng thông tin Hải quan một cửa quốc gia kết nối với các hệ thống thành phần của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông Vận tải, phân đầu khai trương cổng thông tin trong tháng 8/2013.

3.1.3. Lợi ích của thủ tục hải quan một cửa

Đây sẽ được coi như bước tiến lớn trong nỗ lực cải cách thủ tục và hiện đại hóa, đưa Hải quan Việt Nam hội nhập với quốc tế.

Đối với chính phủ, cơ chế một cửa giúp triển khai các nguồn lực hiệu quả hơn, tăng nguồn thu, cải tiến mức độ tuân thủ của doanh nghiệp, tăng cường an ninh, tăng cường tính minh bạch của thủ tục hành chính.

Đối với cộng đồng thương mại, thủ tục hành chính đơn giản, thông tin chỉ cần nộp một lần trong cơ chế một cửa góp phần giảm bớt chi phí quản lý cũng như tăng cường khả năng dự báo cho các giao dịch thương mại.

Với cơ chế này, DN hoạt động xuất nhập khẩu làm thủ tục hải quan chỉ cần nộp và trao đổi thông tin, chứng từ chuẩn hóa dưới dạng điện tử/hoặc giấy tờ tới một điểm tiếp nhận duy nhất để hoàn thành tất cả các yêu cầu liên quan đến xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải.

Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia được thực hiện sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu trong việc dịch chuyển hàng hóa tại cửa khẩu biên giới; nhà đầu tư Việt Nam có khả năng hội nhập tốt hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu; Chính phủ có điều kiện nâng cao năng lực thực thi chính sách tại cửa khẩu thông qua khả năng phân tích dữ liệu trong khi vẫn duy trì được tính bảo mật; người tiêu dùng có điều kiện tiếp cận được hàng hóa nhanh hơn do thời gian thông quan hàng hóa nhanh (chưa kể đến tiết kiệm chi phí mà DN nhập khẩu có thể đã bắt người tiêu dùng phải chịu); cộng đồng DN có thể tiết kiệm được hàng triệu USD thông qua giảm thời gian làm thủ tục hải quan bởi tính đơn giản, hài hòa và tự động hóa; DN thương mại và vận tải quốc tế sẽ có điều kiện áp dụng phương thức quản lý mới, tiết kiệm chi phí cũng như giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính, có cơ hội cạnh tranh cao.

3.1.4. Thách thức

Tính ưu việt của Cơ chế hải quan một cửa quốc gia là vậy, song đây cũng là một vấn đề lớn, phức tạp, liên quan đến nhiệm vụ của nhiều Bộ, ngành khác nhau. Vì vậy, các Bộ, ngành liên quan cần phải nỗ lực cao trong việc triển khai nhiệm vụ, đặc biệt đối với hải quan (cơ quan đầu mối) trong việc kết nối, điều phối hoạt động.

Về phía DN, khi thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia phải khai và thực hiện các thủ tục hành chính thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của Cổng thông tin điện tử Hải quan một cửa quốc gia; khai và nộp chứng từ, cung cấp thông tin liên quan đến hàng hóa, phương tiện vận tải xuất nhập khẩu và nộp thuế, phí, lệ phí hay các khoản thu khác theo quy định; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đã khai cũng như các chứng từ đã nộp hoặc xuất trình cho các cơ quan; phải thống nhất về nội dung giữa thông tin, chứng từ giấy và thông tin, chứng từ điện tử đã tạo lập; phải lưu giữ hồ sơ, sổ sách, chứng từ có liên quan đến thông quan hàng hóa, phương tiện vận tải xuất nhập khẩu theo quy định; phải có đủ các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực, thiết bị, hiểu biết sâu về các khái niệm và quy định vận hành của cơ chế.

Với quy trình hải quan hiện tại các DN có thời gian dài để hoàn tất mọi yêu cầu thủ tục. Nhưng khi thực hiện Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia chỉ có một điểm giao dịch, tối thiểu hóa tiếp xúc với cán bộ quản lý nên thời gian xử lý sẽ rất ngắn cần phải hoàn tất các thủ tục chính xác, nhanh chóng, đòi hỏi DN phải có nhân lực trang bị kỹ năng tốt, kinh nghiệm và hiểu biết về Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia cũng như hoạt động nghiệp vụ của chính DN.

3.2. Đánh giá thủ tục hải quan hiện nay

3.2.1. Ưu điểm

- Các văn bản Pháp Luật và hướng dẫn thi hành Luật Hải quan đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu và thường xuyên được cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng và website của Tổng cục Hải Quan.
- Xây dựng được chương trình DN Ưu tiên. Chương trình DN ưu tiên đã ghi nhận 12 DN đủ điều kiện. Đặc biệt, ngành cũng tiến hành khảo sát sự hài lòng

của khách hàng đối với hoạt động hải quan trong năm 2012 và dự kiến thực hiện định kỳ các năm tiếp theo.

- Trong năm 2012, hoàn thành giai đoạn thí điểm thủ tục hải quan điện tử (TTHQĐT), đưa vào thực hiện chính thức trên phạm vi toàn quốc từ 1/1/2013.
- Ngành Hải quan đang thực hiện theo đúng tiến độ đối với dự án “Xây dựng, triển khai hải quan điện tử và thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia phục vụ hiện đại hóa hải quan tại Việt Nam” (gọi tắt dự án VNACCS/VCIS).
- Công tác quản trị nội bộ: Xây dựng và vận hành chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành bắt đầu từ năm 2011. Tổ chức cuộc khảo sát sự hài lòng của khách hàng đối với hoạt động hải quan 2012; Đánh giá thực hiện Tuyên ngôn thực hiện khách hàng đối với hoạt động hải quan.
- Ngành Hải quan đã đạt được chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin cao nhất trong ngành Tài chính, từ vị trí số 4 trong năm 2011 lên vị trí số 1 trong năm qua.

3.2.2. Một số vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục hải quan

- Hệ thống pháp luật về hải quan còn chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa lường được những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện ví dụ như các quy định về thủ tục hải quan điện tử.
- Nội dung của một số văn bản liên quan đến hoạt động hải quan còn mâu thuẫn, chồng chéo nhau, một số văn bản chưa được xây dựng và ban hành theo đúng kế hoạch. Cơ quan quản lý nhiều lần khẳng định thủ tục đã thông thoáng, nhưng thực tế những thủ tục hành chính ấy tưởng dễ mà vẫn khó. Ví dụ: DN phải lại 3-4 lần mới xin được giấy chứng nhận xuất xứ (C/O), ít nhất hơn một tuần mới có được giấy chứng nhận chất lượng, tranh thủ làm đêm để truyền được dữ liệu hải quan điện tử,...
- Luật hải quan hiện hành quá định hướng vào kiểm soát và coi hoạt động hải quan đơn thuần là kiểm soát hàng hóa mà chưa chú trọng đến tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp trên cơ sở ứng dụng các kỹ thuật quản lý hải quan hiện đại.

- Tình trạng đường truyền dữ liệu hải quan điện tử bị đứt mạng liên tục, khiến DN mệt mỏi và bị thiệt hại nhiều.
- Bên cạnh những DN chấp hành tốt pháp luật cũng có nhiều DN vi phạm, đặc biệt là tình hình vi phạm có biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp hơn. **Ví dụ:** HQ Đà Nẵng đã phát hiện nhiều DN có hành vi xuất khống với số lượng lớn, tự ý tiêu thụ nội địa hàng hóa là nguyên liệu NK để sản xuất hàng XK, gian lận định mức hàng gia công, sản xuất XK...
- Nhiều thủ tục nhiều khâu đang "hành" cả DN và hải quan. Đó là hàng loạt các văn bản thừa mà bấy lâu nay vẫn đang thực hiện.
- Hiện nay, việc triển khai các quy trình thủ tục mới của ngành HQ và triển khai các văn bản mới của nhà nước còn gặp một số khó khăn, cả đối với HQ cũng như đối với DN. Cụ thể như Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23-1-2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và đại lý mua bán, gia công, quá cảnh hàng hóa với nước ngoài là một văn bản pháp lý quan trọng. Nghị định này đã có hiệu lực thi hành từ đầu tháng 5-2006, tuy nhiên đến nay vẫn còn một số bộ, ngành chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, do đó việc triển khai thực hiện còn nhiều lúng túng. Trong thời gian đầu thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, Luật thuế XK, thuế NK và các văn bản hướng dẫn các quy trình thủ tục Hải quan mới, DN cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc do chưa nắm chính xác, đầy đủ nội dung các quy định mới.

3.2.3. Những giải pháp Hải quan Việt Nam đã triển khai thực hiện

a. Đơn giản hoá thủ tục hải quan

Thực hiện theo Công ước quốc tế về đơn giản hoá và hài hoà thủ tục hải quan (1997) và phiên bản sửa đổi của Công ước này (1/2008), như qui định chủ hàng tự khai, tự tính, tự nộp thuế, kiểm tra sau thông quan, thông tin tình báo, quản lý rủi ro, quy trình thủ tục dành cho hàng hoá chuyển phát nhanh, chuẩn bị áp dụng chế độ hàng hoá tạm quản, áp dụng khai báo điện tử.

b. Hiện đại hóa quản lý hải quan

- Chuyển đổi phương thức quản lý: Từ quản lý truyền thống sang phương pháp quản lý hiện đại dựa vào kỹ thuật quản lý rủi ro, giúp rút ngắn thời gian thông quan, tạo sự cân bằng giữa yêu cầu tạo thuận lợi và quản lý.
- Thực hiện thông quan điện tử.
- Ứng dụng công nghệ thông tin: Hệ thống tiếp nhận khai hải quan từ xa, hệ thống quản lý loại hình nhập nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu, nâng cấp hệ thống quản lý thông tin giá tính thuế giai đoạn 2, thực hiện trao đổi thông tin về đối tượng nộp thuế với Tổng cục Thuế, Kho bạc về số thu, tình hình nợ thuế... và tăng cường trang bị máy móc, trang thiết bị tin học cho toàn Ngành.
- Chuẩn bị thực hiện Đề án triển khai Khuôn khổ các chuẩn mực An ninh và Tạo thuận lợi cho Thương mại toàn cầu, chương trình Xây dựng Năng lực cán bộ của Tổ chức Hải quan Thế giới (chương trình Columbus) trong đó có việc triển khai Khuôn khổ các chuẩn mực An ninh và Tạo thuận lợi cho Thương mại toàn cầu.
- Lắp đặt trang thiết bị hiện đại như máy soi công-ten-nơ (cố định, di động), hệ thống camera giám sát,... để nâng cao hiệu quả quản lý hải quan, rút ngắn thời gian kiểm tra kiểm soát.
- Hoàn thiện lực lượng kiểm tra sau thông quan trong toàn ngành, bước đầu khẳng định vai trò “hậu kiểm”, rút ngắn đáng kể thời gian thông quan.

c. Minh bạch hoá chính sách và các quy định của Hải quan

Luật hải quan 2001, Luật Hải quan sửa đổi 2005 và các văn bản hướng dẫn được ban hành, thực hiện đúng theo yêu cầu về minh bạch hoá; nội dung đồng bộ, thống nhất. Các đối tượng liên quan (cộng đồng DN, các cơ quan, tổ chức hữu quan) được mời tham gia đóng góp ý kiến đối với việc xây dựng Luật và các văn bản hướng dẫn. Xây dựng website Hải quan để cập nhật các thông tin liên quan tới chính sách, chế độ và thủ tục Hải quan; Thành lập các tổ giải thích vướng mắc tại các cấp hải quan, ...

d. Tăng cường hợp tác hải quan-hải quan:

Ký kết các văn kiện hợp tác song phương với hải quan các nước ở các cấp độ khác nhau để tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác nghiệp vụ, xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường trang thiết bị cho công tác kiểm tra,

kiểm soát của ngành. Trong khuôn khổ hợp tác đa phương, tham gia tích cực vào các hoạt động hợp tác hải quan trong các diễn đàn ASEAN, APEC, ASEM, GMS, WCO, WTO,... Chú trọng tiếp cận để áp dụng các chuẩn mực quốc tế về hải quan đề cập trong các khuôn khổ này, tiến tới tham gia ký kết hầu hết các điều ước quốc tế về hải quan để áp dụng toàn diện, triệt để các chuẩn mực quốc tế liên quan từng chuyên đề nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tạo thuận lợi hơn nữa cho thương mại.

e. Tăng cường hợp tác hải quan-doanh nghiệp:

Bên cạnh việc áp dụng những biện pháp nghiệp vụ hiện đại để đạt được mục tiêu tạo thuận lợi thương mại, HQVN đã áp dụng các biện pháp cụ thể như ký kết các Biên bản thoả thuận giữa DN làm các dịch vụ liên quan đến Hải quan (như hăng vận tải, giao nhận, bưu chính, khai thuê hải quan,...) và cơ quan HQ trong việc hợp tác giúp HQ chống buôn lậu, gian lận thương mại, đặc biệt trong lĩnh vực chống ma tuý, đổi lại hải quan sẽ dành cho dịch vụ hàng hoá của họ những ưu đãi nhất định về thủ tục; Xây dựng quan hệ đối tác hải quan –DN để tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin giữa hải quan và giới DN nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau phục vụ cho mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại trong khi vẫn đảm bảo tuân thủ

f. Chương trình doanh nghiệp ưu tiên:

HQVN đã áp dụng biện pháp phân loại DN, xác định những DN có quá trình chấp hành luật lệ hải quan tốt để tạo cho họ một ưu đãi nhất định trong làm thủ tục hải quan, nhờ đó tập trung nguồn lực vào kiểm tra, kiểm soát các DN vi phạm, nâng cao hiệu quả quản lý. Từ kết quả phân loại DN nêu trên, đã khẳng định được các DN chấp hành tốt và đã xây dựng các chế độ ưu đãi đối với họ qua việc cấp và sử dụng “Thẻ ưu tiên thủ tục hải quan”. Hiện nay, vấn đề này đang được chuẩn bị triển khai theo các tiêu chí nêu trong Khuôn khổ các Chuẩn mực an ninh Thương mại toàn cầu (FOS).

g. Chống buôn lậu, gian lận thương mại

Tích cực triển khai hệ thống thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan để phục vụ việc thông quan hàng hoá, kiểm tra sau thông quan, điều tra chống buôn lậu và quản lý hải quan hiện đại, triển khai áp dụng hệ thống quản lý rủi ro

trong hoạt động, kiểm soát hải quan và thông quan hàng hoá, ban hành kế hoạch triển khai công tác thu thập xử lý thông tin và quản lý rủi ro và Đề án nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro để tăng cường cho công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, xây dựng cơ sở dữ liệu DN, xây dựng và thực hiện cơ chế DN được ưu tiên theo các tiêu chuẩn quốc tế để có thể áp dụng cơ chế công nhận lẫn nhau trong vấn đề này giữa hải quan các nước.

h. Thực hiện các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về Hải quan:

Thực hiện danh mục AHTN theo HS 2007.

Hiệp định thực thi Điều VII về trị giá GATT .Thực hiện các quy định về xuất xứ hàng hoá dựa trên các chuẩn mực của Công ước Kyoto và Hiệp định về xuất xứ hàng hoá của WTO. Chuẩn bị Áp dụng chế độ tạm quản thông qua việc ban hành và sử dụng sổ tạm quản (ATA) và các biện pháp đảm bảo tương ứng.

Áp dụng thí điểm Chuẩn mực tạm thời về Kiểm soát Quyền bảo hộ Sở hữu Trí tuệ (SECURE) của Tổ chức Hải quan Thế giới.

Tập trung thực hiện Hiệp định cơ chế một cửa ASEAN 2005, Khung tiêu chuẩn đảm bảo an ninh Thương mại toàn cầu (FOS) của Tổ chức Hải quan Thế giới. Công ước về hỗ trợ hành chính lẫn nhau về vấn đề Hải quan (Công ước Johannesburg); Công ước về vận tải đường bộ quốc tế (Công ước TIR); thực hiện cam kết trong ASEAN về Thủ tục hải quan với các nội dung đã và đang diễn ra như Hành lang xanh, Tờ khai chung ASEAN, Danh mục Biểu thuế chung ASEAN (AHTN),... triển khai các nội dung liên quan của Hiệp định giữa chính phủ các nước CHDCND Lào, Vương quốc Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Trung Quốc và CHXHCN Việt nam về tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải hàng hoá và người qua lại biên giới trong khuôn khổ Hợp tác Tiểu vùng Sông Mê Kông mở rộng (GMS) .

Tham gia đàm phán Hiệp định Tạo thuận lợi cho thương mại tại WTO.

3.3. Đề xuất các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện thủ tục hải quan

3.3.1. Giải pháp vĩ mô

- Rà soát lại toàn bộ các văn bản pháp luật đã ban hành từ trước đến nay, nghiên cứu, thảo luận để tìm ra các sơ hở, điểm bất hợp lý (như văn bản quy định

không rõ ràng, còn không khớp giữa Bộ tài chính và Tổng cục Hải quan cũng như Tổng cục thuế) để từ đó có những bổ sung, sửa đổi kịp thời theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các DN về thủ tục cũng như thời gian làm thủ tục mà vẫn đáp ứng được yêu cầu kiểm tra giám sát hàng hoá được giao.

- Nâng cao trình độ chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa Hải quan Việt Nam, đảm bảo 4 nội dung quan trọng:
 - +/Kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu phải thông thoáng, dễ dàng
 - +/Phải có thủ tục chung trong ASEAN về XNK
 - +/Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hàng hóa XNK
 - +/Thúc đẩy đầu tư và phải có biểu thuế chung của ASEAN nhưng phải phù hợp với biểu thuế chung của thế giới.
- Khi hội nhập ASEAN là chúng ta tham gia vào xây dựng cộng đồng kinh tế chung với nội dung quan trọng nhất là: đầu tư vào thương mại từ nước này sang nước khác trong nội khối, trong đó hải quan các nước là lực lượng quan trọng chốt các cửa khẩu làm hai nhiệm vụ chính: Thứ nhất, kiểm soát hàng hóa ra vào; thứ hai là kiểm tra chống buôn lậu. Do vậy, hải quan ASEAN phải tiến bộ và phải thống nhất từ thủ tục hải quan, biểu thuế chung và cách thức kiểm soát hàng hóa để mọi thương nhân không chỉ thương nhân Việt Nam đi các nước thuận lợi mà ngược lại thương nhân các nước khác đến Việt Nam cũng thuận lợi.
- Xây dựng cơ sở pháp lý cho thủ tục hải quan điện tử trên cơ sở nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế.

3.3.2. Giải pháp vi mô

- Cải tiến quy trình thủ tục hải quan như khai hải quan, kiểm tra hàng hoá, giám sát hải quan, chuyển đổi phương pháp quản lý nghiệp vụ. Tất cả yêu cầu trên đều phải đảm bảo cải tiến quy trình và thủ tục hải quan một cách toàn diện, tăng cường sự kiểm soát của cơ quan hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu, nâng cao khả năng thu thuế, thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, tăng khả năng cạnh tranh cho của các DN trong nước.
- Chuẩn hóa mô hình tổ chức; chuẩn hóa về mặt lý thuyết quy trình thủ tục hải quan theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa, và ứng dụng tối đa tin học vào các

khâu, quy trình thủ tục hải quan tố khai báo đến thông quan hàng hoá; chuẩn hóa việc đào tạo cán bộ Hải quan ngay từ đầu.

- Nâng cao chất lượng thông quan hàng hoá bằng việc bổ sung công chức hải quan có trình độ, kiến thức hiểu biết ở các lĩnh vực khác nhau đáp ứng nhu cầu phát triển đa dạng hiện nay.
- Đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị hiện đại hỗ trợ cho công chức hải quan làm thủ tục cho khách ở cường độ cao, không gây ách tắc.
- Giáo dục quán triệt đạo đức cho công chức hải quan có một phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với công việc, không gây khó dễ cho khách hàng, không nhận tiền, quà của khách.
- Xây dựng nguồn nhân lực trong môi trường thủ tục hải quan điện tử. Bồi dưỡng cán bộ nguồn làm đội ngũ kế cận tạo đà cho sự phát triển sau này, nâng cao vị thế của ngành hàng nhập với sự phát triển của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân. 2011. Quản trị xuất nhập khẩu. NXB Tổng Hợp TPHCM 2011.
2. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư 194/2010/TT-BTC, ngày 26/12/2010. Hướng dẫn về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
3. Tổng cục Hải quan (2009), *Quyết định số 1171/QĐ-TCHQ ngày 13/8/2009*, Hà Nội.
4. Website Hải Quan Việt Nam, <http://www.customs.gov.vn>
5. Quốc hội (2005), *Luật Hải quan (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.